

LIÊN MINH AN NINH CHÍNH TRỊ GIỮA HÀN QUỐC VÀ MỸ TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

LÊ VĂN ANH * - BÙI THỊ KIM HUỆ**

Nằm ở trung tâm khu vực Đông Bắc Á, trong lòng chảo Thái Bình Dương - là nơi quy tụ bốn cường quốc: Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Bán đảo Triều Tiên nói chung và Hàn Quốc nói riêng luôn chịu sự chi phối của quan hệ giữa các nước lớn với nhau. Đây cũng chính là một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên mối quan hệ mật thiết của Hàn Quốc và Mỹ trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh. Đối với Hàn Quốc, vốn luôn bị bao vây bởi một thế giới những người khổng lồ: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Nga nên cảm giác không an toàn về quốc gia luôn thường trực trong họ. Hơn nữa, sau chiến tranh Hàn Quốc phải đối mặt với muôn vàn khó khăn về kinh tế, chính trị, xã hội. Trong hoàn cảnh đó, dựa vào "tám lá chắn an toàn" từ Mỹ để có điều kiện khôi phục, ổn định và phát triển đất nước trở thành một nhu cầu hết sức cấp thiết. Điều này đã lý giải tại sao từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong chính sách đối ngoại của mình, Hàn Quốc luôn đặt trọng tâm vào quan hệ với Mỹ:

1. Nhân tố tác động

1.1. Nhân tố quốc tế và khu vực

Sau chiến tranh, cán cân quyền lực giữa các cường quốc trên thế giới đã có sự thay đổi. Các nước: Đức, Italia, Nhật Bản bị bại trận, hai nước: Anh, Pháp

thắng trận nhưng lại bị suy yếu. Chỉ có Liên Xô và Mỹ là hai cường quốc chiến thắng mạnh nhất. Trong thời điểm này, cùng với sự phát triển ngày càng lớn mạnh của Liên Xô, ở Đông Âu các nước như Tiệp Khắc, Bungari, Hungari, Anbani, Nam Tư, Rumani, Ba Lan đã lần lượt hoàn thành các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân và bắt đầu bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Để đối phó với sự lớn mạnh của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN), các nước đế quốc đứng đầu là Mỹ đã bắt đầu thực hiện một chính sách thù địch mới. Tháng 3/1947, tại Quốc hội Mỹ, Tổng thống Truman chính thức phát động cuộc Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước XHCN, đàn áp phong trào cách mạng thế giới và qua đây khuynh đảo, không chế các nước đồng minh phương Tây do Mỹ cầm đầu, từng bước thực hiện tham vọng bá chủ toàn cầu của mình.

Như vậy, quan hệ Xô - Mỹ vốn không có gì tốt đẹp kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II, giờ đây đã ở vào tình trạng đối đầu của Chiến tranh lạnh khi Mỹ tuyên bố học thuyết Truman. Tất cả các mối quan hệ kinh tế trong thời kỳ này đều rơi vào vòng xoáy của Chiến tranh lạnh. Triều Tiên là một nước có địa bàn chiến lược quan trọng đối với các cường quốc lúc bấy giờ, vì vậy, cũng không thể tránh khỏi vòng quay "nghiệt ngã" này.

Trong thời kỳ này, ở Châu Á - Thái Bình Dương cũng xảy ra nhiều biến động lớn khiến Mỹ phải lo ngại, đó là sự lớn

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Huế - Đại học Huế

** Nghiên cứu sinh, Đại học Khoa học - Đại học Huế

mạnh của phong trào cách mạng, nhất là sự kiện nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời và tuyên bố đi theo chế độ XHCN (1/10/1949). Cùng với những biến động này, sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (9/1949) đã khiến Mỹ càng điên cuồng chống phá và mở rộng phòng tuyến ngăn chặn của mình.

Trên Bán đảo Triều Tiên, ngoài Nhật Bản, do vừa mới thất bại trong Chiến tranh Thế giới thứ II, còn các nước Mỹ, Liên Xô và Trung Quốc đều tìm thấy lợi ích của mình ở đây. Trong đó, thể hiện đậm đặc và rõ nét nhất là Mỹ và Liên Xô.

Ngay sau khi Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc, Bán đảo Triều Tiên đã trở thành nơi đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ, hiện thực chính trị của bán đảo này sau chiến tranh chính là tấm gương phản chiếu so sánh lực lượng giữa hai siêu cường. Mặc dù trong Hội nghị Maxcova, ngoại trưởng ba nước Liên Xô, Mỹ và Anh đã quyết định "*xây dựng lại Triều Tiên thành một nước độc lập*" và "*xây dựng một chính phủ dân chủ Triều Tiên lâm thời*", song cũng giống như tình hình nước Đức ở châu Âu, hai nước Xô - Mỹ đều vì lợi ích chiến lược đã giúp đỡ xây dựng chính quyền trong khu vực chiếm đóng của mình. Năm 1948, với sự giúp đỡ của Mỹ, Nam Triều Tiên đã thành lập chính phủ thân Mỹ do Synman Rhee đứng đầu. Bốn tháng sau (12/1948) được sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên do Kim Il Sung đứng đầu cũng ra đời. Sau đó, quân đội Liên Xô và quân đội Mỹ lần lượt rút khỏi bán đảo Triều Tiên, tuy nhiên ảnh hưởng của hai siêu cường không vì thế mà mất đi. Cục diện phân liệt chính trị ở bán đảo Triều Tiên đã phản ánh sự đối đầu về sức mạnh giữa

Đông và Tây, đặc biệt là giữa Liên Xô và Mỹ ở Đông Bắc Á⁽¹⁾.

Rõ ràng, cục diện phân liệt chính trị sau chiến tranh trên Bán đảo Triều Tiên là kết quả của việc Liên Xô và Mỹ phân chia phạm vi thế lực ở khu vực này, phản ánh tình hình so sánh lực lượng của hai siêu cường ở khu vực Đông Bắc Á. Chính vì vậy, cả hai miền Nam - Bắc Triều Tiên sau khi bị chia rẽ đều bị cuốn vào hai mặt trận đối lập Đông - Tây. Mọi sự thay đổi trên bán đảo đều có thể dẫn đến xung đột Đông - Tây. Cuộc nội chiến Nam - Bắc Triều Tiên là một điển hình.

Như một sự thật hiển nhiên, Hàn Quốc với sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Mỹ, cả về chính trị lẫn kinh tế cũng không thể tránh khỏi "*cuộc chơi*" này. Nói đúng hơn, Hàn Quốc chính là một nước cờ trên bàn cờ lớn của Mỹ. Trong mỗi bước đi của mình, Hàn Quốc đều chịu sự chi phối mạnh mẽ của Mỹ. Biết rõ điều này, song lựa chọn Mỹ có lẽ là một việc làm hợp lý hơn cả trong tư duy của người Hàn Quốc lúc bấy giờ. Bởi, Hàn Quốc có rất nhiều lý do để lo sợ cho nền an ninh và sự tồn vong của mình khi phải chung sống giữa những người khổng lồ.

1.2. Nhân tố nội tại

Sau Chiến tranh Thế giới thứ II, Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất, chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt trong thế giới chủ nghĩa tư bản (CNTB). Riêng về lĩnh vực kinh tế, Mỹ có ưu thế lớn trong những năm đầu sau chiến tranh nhờ có một nền công nghiệp và nông nghiệp phát triển cao. Sản lượng công nghiệp Mỹ chiếm quá nửa tổng sản lượng công

⁽¹⁾ Trương Tiểu Minh (2002), *Chiến tranh lạnh và di sản của nó*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội. tr.111

nghiệp của thế giới tư bản (56,4% năm 1948). Sản lượng nông nghiệp cũng gấp hai lần sản lượng của Anh, Pháp, Cộng Hoà Liên Bang Đức, Italia, Nhật cộng lại (1949)⁽²⁾.

Với thực lực của mình, Mỹ đã đề ra “chiến lược toàn cầu” nhằm thống trị toàn thế giới. Để đạt được mục đích của mình, Mỹ ráo riết chạy đua vũ trang, phát triển lực lượng hạt nhân, lập các khối quân sự và ký kết với nhiều nước những hiệp ước quân sự tay đôi, cho phép Mỹ đóng quân và xây dựng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ các nước. Mỹ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, dựng lên những chính quyền thân Mỹ ở một số nơi mà Mỹ thấy cần thiết. *Mỹ sẵn sàng dùng các biện pháp như đồng đô la, “viện trợ” kinh tế và quân sự... để thực hiện mục đích của mình.*

Sau khi Mỹ tuyên bố học thuyết Truman (1947) trong đó coi Liên xô là một “mối đe dọa” toàn cầu, thực hiện chính sách thù địch với Liên Xô và các nước XHCN thì sự đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ là điều không thể tránh khỏi. Tình trạng đối đầu này đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình trên Bán đảo Triều Tiên. Trong suốt hai năm, 1946 và 1947, những thỏa thuận trong Nghị định thư Maxcova không hề được thực thi. Ít lâu sau, Mỹ đã huỷ bỏ công thức Maxcova cùng với Ủy ban chung Xô - Mỹ về Triều Tiên.

Trong khi đó, trước năm 1945, trong khi mà Chiến tranh Thế giới thứ II đang diễn ra, Triều Tiên vốn đã tồn tại nhiều đảng phái khác nhau. Và sau khi thỏa thuận Maxcova về Triều Tiên được ký

kết, bán đảo này chia thành hai lực lượng: lực lượng chủ nghĩa dân tộc cánh hữu, đứng đầu là Synman Rhee và một lực lượng gồm những người Cộng sản và cánh tả. Hai lực lượng này cùng tồn tại và ngày càng mâu thuẫn sâu sắc. Chính điều này đã tạo cơ hội cho Mỹ lợi dụng để chi phối tình hình trên Bán đảo Triều Tiên.

Do Mỹ coi Bán đảo Triều Tiên là một vùng đệm ở Đông Bắc Á, có vị trí chiến lược quan trọng trong việc củng cố sự độc quyền chiếm đóng Nhật Bản, nên không muốn nơi này rơi vào lực lượng những người Cộng sản. Tháng 8/1948, thông qua tổng tuyển cử riêng rẽ ở Nam Triều Tiên, dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc, Mỹ đã ủng hộ thành lập chính phủ thân Mỹ do Synman Rhee đứng đầu. Ngay sau đó, tháng 12/1948, được sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên ra đời, do Kim Il Sung đứng đầu. Đến đây, bán đảo Triều Tiên đã thực sự trở thành tiêu điểm của sự tranh chấp và căng thẳng giữa hai phe. Vĩ tuyến 38° đã trở thành sự mở rộng của “bức màn sắt” tại châu Á. Nói như vậy, vì mục đích của Mỹ là dựng lên giới tuyến này nhằm “ngăn chặn” và kiểm chế phong trào cách mạng tại bán đảo, khoanh vùng ảnh hưởng của thế giới tư bản và đẩy mạnh ý đồ bá chủ của mình tại khu vực. Hành động này không khác gì mấy so với những hoạt động của Mỹ ở Châu Âu nhằm thành lập nước Cộng hoà Liên bang Đức, và tạo ra đường biên giới mới chia cắt châu Âu.

Trong chiến lược toàn cầu, Hàn Quốc là một trong những vị trí then chốt có ý nghĩa sống còn đối với chính sách “ngăn chặn” và “kiểm chế” Chủ nghĩa cộng sản của Mỹ. Chính vì vậy, bằng mọi thủ đoạn, Mỹ đã triển khai một lực lượng quân sự tại đây. Song, lực lượng quân sự Mỹ không thể tồn tại và phát huy hết khả

⁽²⁾ Nguyễn Anh Thái (Chủ biên) (1999), *Lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến 1999, Quyển A*, NXB Đại học Quốc Gia, Hà Nội. Tr.289

năng của mình khi đóng trên một đất nước quá sức nghèo nàn về kinh tế và bất ổn về chính trị. Để tạo ra một đồng minh đủ mạnh, có môi trường chính trị tốt cho sự có mặt lâu dài của lực lượng quân sự, Mỹ buộc phải tìm cách phục hồi và tạo điều kiện cho kinh tế Hàn Quốc phát triển. Theo đó, Mỹ đã xây dựng nhiều chương trình viện trợ kinh tế cho Hàn Quốc, đồng thời vận động các nước khác thông qua Liên Hợp Quốc viện trợ cho nước này.

Về phía Hàn Quốc, xuất phát từ những lo ngại do tình hình chính trị luôn bất ổn và mối hoài nghi về một Bắc Triều Tiên đối lập có sự hậu thuẫn của Liên Xô, cùng với những nguyên nhân khách quan khác, sau chiến tranh, chính phủ của Synman Rhee đã tiếp tục dựa vào Mỹ, một tấm lá chắn an toàn để bắt tay vào khôi phục và bước đầu phát triển kinh tế, một nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu lại bị tàn phá bởi chiến tranh.

2. Liên minh an ninh chính trị giữa Hàn Quốc và Mỹ thời kỳ Chiến tranh lạnh

2.1. Giai đoạn từ cuối những năm 1940 đến đầu thập niên 1960

Trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh, cả về lý luận và thực tiễn cho thấy, Mỹ đã thực hiện hai chiến lược quân sự toàn cầu, chiến lược quân sự “*trả đũa ở ạt*” và chiến lược quân sự “*phản ứng linh hoạt*” kết hợp với học thuyết rắn đe. Riêng giai đoạn 1946 - 1960, dưới chính quyền Truman - Eisenhower, chiến lược quân sự “*trả đũa ở ạt*” được áp dụng trong điều kiện Mỹ ở vào ưu thế áp đảo về kinh tế và vũ khí nguyên tử⁽³⁾.

⁽³⁾ Trần Bá Khoa (2000), *Tìm hiểu những thay đổi lớn trong chiến lược quân sự của Mỹ*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

Chiến lược ngăn chặn của Mỹ được triển khai trên tất cả các mặt, nhưng quan trọng nhất là trên lĩnh vực quân sự và tư tưởng, lấy thực lực quân sự làm hậu thuẫn xây dựng căn cứ quân sự, liên minh quân sự khắp toàn cầu, thường xuyên tiến hành bao vây, cấm vận, chuẩn bị chiến tranh, đe dọa quân sự, can thiệp quân sự và phát động chiến tranh xâm lược chống các nước XHCN. *Bán đảo Triều Tiên là một điển hình trong việc cụ thể hoá các chính sách đối ngoại của Mỹ.*

Nhằm dựng lên giới tuyến giữa hai phe ở Đông Bắc Á, để “*ngăn chặn*” và “*kiềm chế*” phong trào cách mạng tại Bán đảo, khoanh vùng ảnh hưởng của thế giới tư bản và đẩy mạnh ý đồ bá chủ của mình tại khu vực, Mỹ ủng hộ thành lập chính phủ thân Mỹ do Synman Rhee đứng đầu (1948). Sau sự kiện này, quan hệ Hàn - Mỹ thực sự được thiết lập. Ngay sau đó, Tổng thống Hàn Quốc, Synman Rhee và người đứng đầu chính quyền quân sự Mỹ tại Hàn Quốc, Lt. Gen. John R. Hodge đã ký một thỏa thuận về chuyển giao quyền lực cho chính phủ mới. Thỏa thuận trên ghi rõ cả hai nước sẽ cùng quan tâm đến việc duy trì an ninh của Hàn Quốc. Mỹ sẽ tiếp tục tổ chức huấn luyện và trang bị cho lực lượng an ninh Hàn Quốc cho đến khi hoàn thành việc rút quân của Mỹ. Tháng 6/1949, Mỹ đã tuyên bố rằng, ngoại trừ việc rút quân của mình, Mỹ sẽ tiếp tục viện trợ và trang bị cảnh sát để duy trì nền an ninh và ổn định của Hàn Quốc⁽⁴⁾. Tuy nhiên, quan hệ an ninh giữa hai nước vẫn chưa được định hình rõ nét.

Tr.21.

⁽⁴⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr 112,113.

Bởi, theo nhận định của tướng Douglas Mac Arthur, lúc này ông vẫn chưa xem vị trí của Bán đảo có lợi ích sống còn đối với an ninh quốc gia cũng như vai trò thiết yếu trong việc bảo vệ Nhật Bản. Như vậy, Mỹ tuy đã thấy được vị trí chiến lược của Hàn Quốc nhưng vẫn chưa nhận thức một cách sâu sắc tầm quan trọng của nó, một nơi mà sau này Mỹ xem là vị trí chủ chốt trong kế hoạch phòng thủ phía trước của mình. Từ năm 1948 đến trước khi chiến tranh Triều Tiên nổ ra, số lượng viện trợ quân sự của Mỹ cho Hàn Quốc chỉ hạn chế ở một mức độ nhất định⁽⁵⁾. Trong lúc đó, theo thỏa thuận với Liên Xô, hai bên sẽ rút quân sau thời hạn 3 năm kể từ ngày chiếm đóng, Mỹ buộc phải rút quân ra khỏi Hàn Quốc khi mà lực lượng quân sự Hàn Quốc vẫn còn rất kém cỏi. Ngay từ tháng 4/1948, Ủy ban an ninh quốc gia Mỹ đã thông qua quyết định rút tất cả 14.000 quân còn lại ở Hàn Quốc. Sau đó, Bộ quốc phòng Mỹ trực tiếp chỉ huy và lực lượng quân sự Mỹ tại Hàn Quốc đã chuẩn bị những điều kiện cho việc rút quân vào cuối năm 1948. Một tháng sau khi chính phủ mới ra đời, lực lượng quân sự Mỹ bắt đầu thực hiện quyết định này. Cho đến tháng 6/1949, Mỹ đã hoàn thành việc rút quân ra khỏi Hàn Quốc và chỉ để lại một phái đoàn quân sự gồm 500 người⁽⁶⁾.

Việc này còn xuất phát từ nhận định của Mỹ lúc bấy giờ, rằng Liên Xô đang phải bận tâm khôi phục kinh tế trong

nước do bị tàn phá bởi chiến tranh và Trung Quốc thì bị quân phiệt Nhật giày xéo tàn bạo trong chiến tranh nên khó có thể có những mạo hiểm quân sự để bảo vệ những người Cộng sản ở Bán đảo Triều Tiên.

Thế nhưng, những sự kiện xảy ra vào cuối thập niên 1940, đầu thập niên 1950, đã làm cho tình hình an ninh khu vực thay đổi không có lợi cho Mỹ, buộc Mỹ phải chú trọng nhiều hơn đến Châu Á. Tiếp sau sự thành công của cách mạng Trung Quốc (10/1949) là sự ra đời của liên minh Xô - Trung qua Hiệp ước hữu nghị đồng minh và tương trợ (2/1950) đã làm thay đổi cán cân lực lượng, có lợi cho Liên Xô và phong trào giải phóng dân tộc. Thêm vào đó, năm 1949 Liên Xô cũng đã thử thành công bom nguyên tử và chấm dứt thế độc quyền của Mỹ. Đứng trước tình hình này, Mỹ đã đề ra mục tiêu ở Châu Á là phát triển ảnh hưởng ngăn chặn "*làn sóng Cộng sản*" và phong trào giải phóng dân tộc. Đặc biệt, chiến tranh Triều Tiên bùng nổ vào ngày 25/6/1950, làm cho quan hệ an ninh chính trị Hàn - Mỹ có nhiều thay đổi.

Bị ám ảnh bởi "*bóng ma*" Cộng sản ở châu Âu, Mỹ cho rằng nguy cơ về mối đe dọa Chủ nghĩa cộng sản đã lan sang châu Á và cần phải ngăn chặn. Với nhận định cuộc chiến tranh Triều Tiên nằm trong chiến lược quân sự toàn cầu của Stalin nhằm chống Mỹ và các đồng minh, Mỹ đã núp dưới danh nghĩa Liên Hợp Quốc điều động một lực lượng lớn quân Mỹ trực tiếp can thiệp vào đây. Trong thời gian xảy ra chiến tranh, lực lượng quân sự Mỹ ở Hàn Quốc tăng lên nhanh chóng với khoảng 360.000 người⁽⁷⁾.

⁽⁵⁾ David C.Cole, Youngil Lim, Paul W. Kuznets (1980), *The Korean Economy Issues of Development*, University of California, Berkeley. Tr.13.

⁽⁶⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr 115

⁽⁷⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A*

Trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, Mỹ chính là hậu thuẫn và đồng minh lớn nhất chi phối mọi chiến lược và sách lược của Hàn Quốc. Nói đúng hơn, cuộc chiến tranh này không còn là cuộc nội chiến thông thường nữa mà là sự đối đầu trực tiếp giữa hai phe, CNTB và CNXH. Mở đầu chiến tranh Triều Tiên là cuộc nội chiến, nhưng ngay từ đầu đã có nhiều yếu tố nước lớn can thiệp và nhanh chóng phát triển thành một cuộc xung đột quân sự nghiêm trọng Đông - Tây. Trên thực tế, cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ năm ngoài dự tính của Mỹ. Trong một bức điện của sứ quán Mỹ ở Seoul gửi cho Washington ngày 4/5/1950 có viết: *Liên Xô không có khả năng ủng hộ Bắc Triều Tiên tiến hành cuộc tiến công đối với miền Nam. Bức điện cho rằng mục tiêu cuối cùng của Liên Xô chắc chắn là muốn không chế toàn bộ Triều Tiên, nhưng đối với Kremlin hiện nay thì chiếm lĩnh Nam Triều Tiên là lợi bất cập hại*⁽⁸⁾.

Khi cuộc chiến tranh Triều Tiên nổ ra, chính quyền Truman đã phản ứng rất nhanh chóng và gay gắt. Hơn lúc nào hết, giờ đây, Mỹ nhận thức hết sức **sâu sắc** địa bàn chiến lược này. Mỹ tin rằng nếu để thua trong cuộc đụng độ này thì quyền lợi của Mỹ ở khu vực sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chính vì vậy, ngoài việc điều động một lực lượng lớn quân sự Mỹ trực tiếp can thiệp vào Bán đảo, Mỹ đã tăng cường viện trợ quân sự cho Hàn Quốc, cung cấp vũ khí, đạn dược, nhà tạm, lương thực, thực phẩm phục vụ cho cuộc chiến tranh, với hy vọng thống nhất bán đảo dưới chính quyền của Nam Triều

Tiên, loại trừ ảnh hưởng của Liên Xô, Trung Quốc, xác lập quyền ảnh hưởng của mình ở đây thông qua việc triển khai lực lượng lớn quân đội và căn cứ quân sự. Tuy nhiên, tình hình chiến sự đã không xảy ra như ý muốn của Mỹ kể từ khi Trung Quốc tham chiến. Trong thế giằng co giữa hai phe vào mùa hè năm 1951, Mỹ đã tính đến chuyện thương lượng để tránh chiến tranh mở rộng và nguy cơ bị loại ra khỏi bán đảo. Cuối cùng, một Hiệp định đình chiến đã được ký kết vào ngày 27/7/1953. Dù rằng mục tiêu ban đầu của Mỹ không được thực hiện, song Hiệp định đình chiến cũng đã đáp ứng lợi ích và mong muốn của Mỹ trong cuộc thương lượng này. Đó là ý đồ khôi phục nguyên trạng ban đầu, bảo toàn lợi ích an ninh của Mỹ ở Bán đảo và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Ngay sau khi ký Hiệp định đình chiến, Hàn Quốc và Mỹ đã bắt tay vào việc thảo luận về một Hiệp định phòng thủ chung. Ngày 1/10/1953, tại Washington, Hiệp định phòng thủ chung Hàn - Mỹ đã được ký kết. Ở khoản III của Hiệp định ghi rõ *"Một sự tấn công quân sự ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương... sẽ gây nguy hiểm cho nền hoà bình và an ninh của chúng ta"* và tuyên bố rằng: *"sẽ hành động khi gặp nguy hiểm chung"*. Sau Hiệp định phòng thủ chung, thoả thuận về hợp tác kinh tế và quân sự giữa Hàn Quốc và Mỹ cũng ra đời⁽⁹⁾.

Sau các sự kiện trên, Mỹ bắt đầu triển khai chương trình viện trợ quân sự cho Hàn Quốc. Từ năm 1955 đến năm 1960, viện trợ quân sự trực tiếp của Mỹ cho Hàn Quốc chiếm tới 60% trong tổng ngân sách

Century of Cooperation, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr. 116.

⁽⁸⁾ Trương Tiểu Minh (2002), *Chiến tranh lạnh và di sản của nó*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội. tr.113.

⁽⁹⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr 113

chi tiêu quân sự của Hàn Quốc⁽¹⁰⁾. Vào thời điểm cao nhất, viện trợ quân sự của Mỹ cho Hàn Quốc lên đến 527,8 triệu USD (1957) (xem bảng 1).

Bảng 1. Viện trợ quân sự của Mỹ cho Hàn Quốc (1952 -1961)

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	Tổng số viện trợ quân sự cho Hàn Quốc	Tổng số viện trợ quân sự cho Đông Bắc Á	Tỷ lệ phần trăm của Hàn Quốc
1952	11,7	160,7	7,2
1957	527,8	2.403,7	21,9
1958	331,1	627,8	52,7
1959	190,5	606,7	31,4
1960	190,2	501,6	37,9
1961	192,2	495,4	38,8

Nguồn: SIPRI, The Arms Trade with the Third World (Paul Elek Limited, London, 1971), P.146 - 147⁽¹¹⁾.

Rõ ràng, sau chiến tranh Triều Tiên, Mỹ đã bắt đầu nhận thức hết sức sâu sắc địa bàn chiến lược của Hàn Quốc. Ở khu vực Đông Bắc Á, Hàn Quốc ngày càng giữ vị trí trọng yếu trong chiến lược "ngăn chặn" Chủ nghĩa cộng sản của Mỹ. Chính vì vậy, trong thời gian này viện trợ quân sự của Mỹ cho Hàn Quốc chiếm tỷ lệ khá lớn so với các nước ở Đông Bắc Á. Điển hình, vào năm 1958, trong lúc tổng số viện trợ quân sự của Mỹ cho Đông Bắc Á chỉ đạt

627,8 triệu USD thì Hàn Quốc chiếm đến 331,1 triệu USD, tương đương với 52,7% (xem bảng 1). Có thể nói, an ninh và phòng thủ là lĩnh vực được ưu tiên hơn cả trong quan hệ Hàn - Mỹ suốt thời kỳ này.

2.2. Giai đoạn từ đầu những năm 1960 đến cuối thập niên 1980

Bắt đầu từ khi Kennedy lên nắm quyền, trọng điểm chiến lược toàn cầu của Mỹ chuyển sang diễn biến hoà bình, lấy chiến lược "phản ứng linh hoạt" thay thế chiến lược "trả đũa ở at", mà chỗ dựa chủ yếu là sức mạnh răn đe. Nguyên do là vào cuối những năm 1950, đầu những năm 1960, Mỹ lần lượt mất độc quyền và giảm ưu thế về hạt nhân chiến lược. Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn về chế tạo vũ khí mũi nhọn. Đồng thời, phe XHCN ngày càng lớn mạnh, nhất là về quốc phòng. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển ở Châu Á,

⁽¹⁰⁾Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr. 118.

⁽¹¹⁾ Sung - Joo Han Editor (1982), *After one Hundred years: Continuity and Change in Korean - American Relations*, Asiatic Research Center Korea University, Seoul, Korea, Tr, 248.

Châu Phi và Mỹ La Tinh làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Trước các cuộc đấu tranh vũ trang, xung đột cục bộ, Mỹ tỏ ra “ngập ngừng”, vừa không dám dùng vũ khí hạt nhân vừa không đủ lực lượng và ý chí tham chiến, do đó chiến lược “*trả đũa ở ạt*” bị bế tắc ngay khi mới ra đời. Chính vì vậy, sau khi Kennedy lên nắm quyền, để thay đổi cục diện bị động và thất bại ở nhiều nơi về chiến lược lớn toàn cầu “*ngăn chặn*”, Mỹ bổ sung thêm “*chiến lược hoà bình*”, thực hiện chính sách hai mặt “*cây gậy và củ cà rốt*”, đối với Liên Xô và chĩa mũi nhọn vào phong trào giải phóng dân tộc. Về quân sự, Mỹ chủ trương dùng vũ khí hạt nhân làm cái “*mộc che đờ*”, dùng vũ khí thông thường làm “*lưỡi kiếm*” tiến công vào phong trào giải phóng dân tộc⁽¹²⁾.

Để phù hợp với tình hình và thực lực của mình, Mỹ chủ trương giảm vai trò quân sự ở Châu Á. Cùng với sự thay đổi chiến lược, chính sách của Mỹ đối với Hàn Quốc cũng có nhiều nét mới, nhất là từ cuối thập niên 1960 trở đi. Riêng khoảng thời gian vào đầu những năm 1960, quan hệ an ninh chính trị Hàn - Mỹ vẫn chưa có dấu hiệu gì cho thấy việc giảm cam kết an ninh giữa hai nước. Trong cuộc gặp giữa Park Chung Hee và Tổng thống Mỹ tháng 12/1961, Kennedy đã cam kết sẽ nhanh chóng viện trợ cho Hàn Quốc theo đúng những điều khoản đã ký kết trong Hiệp ước phòng thủ chung. Để đáp lại, Hàn Quốc cũng thể hiện sự cam kết của mình bằng cách gửi quân sang tham chiến tại Việt Nam. Cùng với sự kiện Hàn Quốc bình

thường hoá quan hệ với Nhật Bản, việc Hàn Quốc gửi quân sang tham chiến tại Việt Nam là một sự kiện nổi bật trên lĩnh vực ngoại giao của nước này trong những năm 1960. Hàn Quốc gửi quân sang tham chiến tại Việt Nam không đơn thuần là một sự liên minh với miền Nam Việt Nam mà điềm máu chốt là họ muốn thể hiện cam kết an ninh của mình với Mỹ, rằng họ rất quan tâm đến chiến lược “*ngăn chặn*” Chủ nghĩa Cộng sản cũng như sự thắng lợi của Mỹ trên chiến trường Đông Dương. Điều này được thể hiện rõ trong cam kết an ninh giữa hai nước vào năm 1953, thừa nhận rằng “*một sự tấn công quân sự ở khu vực Thái Bình Dương... sẽ gây nguy hiểm cho nền hoà bình và an ninh của chúng ta*”, cả hai bên đã tuyên bố “*sẽ hành động khi gặp nguy hiểm chung*”. Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa quan trọng nhất thúc đẩy Hàn Quốc gửi quân sang tham chiến tại Việt Nam, chính là *mong muốn Mỹ sẽ không giảm cam kết an ninh đối với mình*⁽¹³⁾. Hơn nữa, dưới thời Park Chung Hee, một người mà ngay sau khi lên nắm quyền đã tuyên bố “*trong đời sống con người, những vấn đề kinh tế đi trước những vấn đề chính trị hay văn hoá*”⁽¹⁴⁾, thì vấn đề gửi quân sang Việt Nam để đòi lấy viện trợ của Mỹ cũng không phải là chuyện lạ. Bởi, cùng với việc tập trung vào những chiến lược phát triển kinh tế của mình, trong thời gian này, về mặt quân sự, chính phủ của ông

⁽¹²⁾ Trần Bá Khoa (2000), *Tìm hiểu những thay đổi lớn trong chiến lược quân sự của Mỹ*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, Tr.34,35.

⁽¹³⁾ Sung - Joo Han Editor (1982), *After one Hundred years: Continuity and Change in Korean - American Relations*, Asiatic Research Center Korea University, Seoul, Korea. Tr. 367.

⁽¹⁴⁾ Hoàng Văn Hiến (2000), *Quá trình phát triển kinh tế xã hội của Hàn Quốc (1961 -1993)*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội. Tr.30.

đã tận dụng tối đa viện trợ Mỹ. Chính xác là chính phủ Park Chung Hee không theo cam kết chuẩn bị quân sự như chính phủ tiền nhiệm Synman Rhee mà thừa nhận sự tồn tại của hai miền Nam, Bắc. Vấn đề cơ bản là phải *biết tận dụng và khai thác triệt để sự bảo trợ quân sự của Mỹ, hạn chế chi tiêu quốc phòng để giành nguồn tích lũy cho sự phát triển kinh tế, đặc biệt là công nghiệp*. Điều đó không có nghĩa là chính phủ coi nhẹ việc phòng thủ đất nước, mà là *phòng thủ như thế nào để có lợi nhất bằng cách dựa vào Mỹ*⁽¹⁵⁾. Thêm vào đó, cái đối,

cái nghèo và sự khốn cùng do hậu quả của chiến tranh và chia cắt trong suốt nhiều năm, dường như đã đẩy họ đến chỗ sẵn sàng "hy sinh" và đổ máu trên chiến trường Việt Nam để đòi lấy đô la của Mỹ.

Vào đầu những năm 1960, Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ quân sự cho Hàn Quốc, tuy nhiên con số này bắt đầu giảm dần vào cuối những năm 1960, và giảm mạnh trong suốt thập niên 1970. Điều này được thể hiện rõ ở bảng 2.

Bảng 2. Viện trợ quân sự Mỹ trong tổng chi tiêu quân sự của Hàn Quốc (1955 - 1981)

(Đơn vị: %)

Năm	Từ nguồn nội tệ	Viện trợ quân sự gián tiếp của Mỹ	Viện trợ quân sự trực tiếp của Mỹ
1955-1960	23,4	17,9	58,9
1961	1,0	31,7	67,3
1962	14,3	39,2	46,5
1963	9,0	24,4	66,6
1964	16,4	24,7	58,9
1965	17,9	31,5	50,6
1966	17,3	30,7	52,0
1967	23,0	28,4	48,6
1968	31,0	16,2	52,8
1969	53,5	14,2	32,3
1970	56,8	12,7	30,5
1971	50,3	4,6	45,1
1972	65,2	2,8	32,0
1973	72,4	1,1	26,5
1974	87,7	-	12,3
1975	91,4	-	8,6
1976	95,9	-	4,1
1977	99,7	-	0,3

* Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr 118

⁽¹⁵⁾ Hoàng Văn Hiến (2000), *Quá trình phát triển kinh tế xã hội của Hàn Quốc (1961 -1993)*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội. Tr.31.

1978	100,0	-	-
1979	100,0	-	-
1980	100,0	-	-
1981	100,0	-	-

Nguồn: Young-SunHa, "Han'guk ui kunsabi ch'use wa chonmang" [Analysis of South Korean military expenditures: past, present, and future], Journal of International Studies (Korea) 7(1982): 28-306.*

Số liệu ở bảng 2 cho thấy, vào năm 1961 viện trợ quân sự của Mỹ cho Hàn Quốc bao gồm cả viện trợ trực tiếp và gián tiếp đạt 99% trong tổng ngân sách chi tiêu cho quân sự của Hàn Quốc. Đến năm 1968, con số này giảm xuống còn 69%, và năm 1969 là 46,5%.

Đặc biệt, học thuyết Nixon ra đời đã làm cho quan hệ Hàn - Mỹ đã có những thay đổi đáng kể. Rõ ràng "cuộc chơi miễn phí" của Mỹ đã đến hồi kết thúc. Mỹ đã bắt đầu tính đến những chính sách nhằm làm giảm bớt "gánh nặng" tại các nước phi Cộng sản ở châu Á. Đối với Hàn Quốc, học thuyết này không những đã báo trước sự kết thúc "mối quan hệ đặc biệt" của họ với Mỹ mà còn đưa ra yêu cầu Hàn Quốc cần phải đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại của mình chứ không chỉ nhằm tới tiêu điểm Washington như những năm vừa qua nữa.

Sang thập niên 1970, uy tín và vị thế của Mỹ bị giảm sút nghiêm trọng do thất bại ở Việt Nam, sự sụp đổ hệ thống tiền tệ Bretton Woods và cuộc khủng hoảng dầu lửa. Mỹ vừa chịu sự cạnh tranh kinh tế gay gắt của đồng minh Nhật Bản vừa phải đương đầu với sự mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô ở khu vực mà lúc này đã giành được thế cân bằng về hạt nhân chiến lược của Mỹ. Từ năm 1971, Nixon đã thừa nhận thế giới đang phát triển theo xu hướng đa cực hoá, bắt đầu hình thành năm trung tâm quyền lực là Mỹ, Liên Xô, Tây Âu, Nhật Bản và

Trung Quốc.

Trước tình hình đó, chính quyền Nixon, Ford, Carter thực hiện chính sách hoà dịu với Liên Xô để tập trung giải quyết những vấn đề khó khăn nội bộ của nước Mỹ và ở các khu vực khác trên thế giới, nhất là Trung Đông và Châu Âu. Lợi dụng mâu thuẫn Xô - Trung, Mỹ thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc để sử dụng con bài này kiềm chế Liên Xô mở rộng ảnh hưởng. Đối với các nước tay sai khác, Mỹ chỉ giương cái "ô hạt nhân", các nước này phải tự lực phòng thủ là chính, khi cần thiết, Mỹ mới giúp đỡ bằng lực lượng không quân và hải quân, viện trợ hậu cần, khi thật cần thiết mới dùng một ít lực lượng lục quân Mỹ. Mỹ chủ trương không "can thiệp sâu" vào nội bộ của các nước một khi những gì xảy ra ở đây không tổn hại đến quyền lợi của Mỹ. Thực sự, cuộc chiến tranh Việt Nam và bài học đau đớn của nó đã tác động sâu sắc đến chính sách của Mỹ đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Hàn Quốc nói riêng. Điều này được thể hiện rõ trong tuyên bố của Tổng thống Nixon: "Mỹ phải tránh chính sách làm cho các nước Châu Á phụ thuộc vào mình, bởi vì điều đó sẽ cuốn nước Mỹ vào những xung đột như đã từng xảy ra ở Việt Nam"⁽¹⁶⁾

⁽¹⁶⁾ Sung - Joo Han Editor (1982), *After one Hundred years: Continuity and Change in Korean - American Relations*, Asiatic

Cùng với sự thay đổi chiến lược của Mỹ, quan hệ an ninh chính trị Hàn - Mỹ trong thời kỳ này cũng có rất nhiều biến đổi. Mỹ chủ trương giảm cam kết an ninh của mình đối với Hàn Quốc và thông báo cho Hàn Quốc ý định giảm số quân đồn trú. Tính đến tháng 6/1971, Mỹ đã rút 20.000 quân ra khỏi Hàn Quốc⁽¹⁷⁾. Kế hoạch rút toàn bộ quân Mỹ ra khỏi Hàn Quốc của Tổng thống Carter dự định sẽ hoàn thành trong vòng 4 đến 5 năm và được thông báo trong một cuộc họp không chính thức vào ngày 9/3/1977. Đến cuối năm 1978, 6.000 quân Mỹ đã được rút khỏi Hàn Quốc. Song, lo ngại trước một Bắc Triều Tiên ngày càng mạnh lên về mặt quân sự, mùa xuân năm 1979, Tổng thống Carter quyết định “*tạm ngừng*” việc rút số quân còn lại cho đến năm 1981⁽¹⁸⁾.

Trong giai đoạn này, viện trợ quân sự gián tiếp của Mỹ cho Hàn Quốc giảm rất nhanh và chấm dứt hoàn toàn vào năm 1974. Tuy nhiên, Mỹ vẫn tiếp tục mang đến nguồn viện trợ quân sự trực tiếp để giúp đỡ cho kế hoạch nâng cấp các căn cứ quân sự tại Hàn Quốc (1971- 1975) cũng như để bù đắp cho việc Mỹ rút quân khỏi đây. Tổng số tiền mà Mỹ đã thực hiện cam kết viện trợ cho kế hoạch

này đạt 1,034 triệu USD⁽¹⁹⁾. Đến năm 1976, viện trợ quân sự trực tiếp của Mỹ cho Hàn Quốc giảm xuống còn 4,1%, năm 1977 là 0,3 và cuối cùng đã chấm dứt toàn bộ từ năm 1978 (xem bảng 2).

Ngoại trừ việc Mỹ rút quân và ngừng viện trợ quân sự cho Hàn Quốc, quan hệ Hàn - Mỹ trên lĩnh vực an ninh chính trị vẫn tiếp tục được duy trì. Trong chính sách của Mỹ, Hàn Quốc vẫn là một địa bàn hết sức quan trọng ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Các cuộc gặp cấp cao giữa hai nước vẫn diễn ra thường xuyên như cuộc gặp giữa Park - Ford (1974), Park - Carter (1979)... Trong các cuộc gặp này, Mỹ thường xuyên nhấn mạnh cam kết của mình, rằng Mỹ sẽ nhanh chóng viện trợ và giúp đỡ Hàn Quốc trong trường hợp họ bị tấn công theo như những điều khoản mà hai nước đã ký kết trong Hiệp ước phòng thủ chung năm 1953⁽²⁰⁾.

Đầu những năm 1980, sau khi Reagan lên nắm quyền chiến lược toàn cầu một lần nữa được điều chỉnh. Chiến lược quân sự toàn cầu được điều chỉnh mang tên “*chiến lược đối đầu trực tiếp*”, chủ trương dùng những biện pháp cứng rắn, quyết liệt nhằm đối phó với Liên Xô và “*bất cứ lực lượng nào đe dọa những quyền lợi của Mỹ*” bao gồm các nước xã hội chủ nghĩa khác và phong trào giải

Research Center Korea University, Seoul, Korea. Tr. 254

⁽¹⁷⁾ Sung - Joo Han Editor (1982), *After one Hundred years: Continuity and Change in Korean - American Relations*, Asiatic Research Center Korea University, Seoul, Korea. Tr. 369.

⁽¹⁸⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr. 117.

⁽¹⁹⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr. 119.

⁽²⁰⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr. 114.

phóng dân tộc trên thế giới⁽²¹⁾. Thậm chí quốc hội Mỹ còn cho phép Reagan viện trợ quân sự cho các nước đồng minh mà đáng ra đã bị kết thúc trước đó để phục vụ cho chiến lược này.

Trong cuộc gặp năm 1981, Tổng thống Reagan đã cam kết với Tổng thống Chun rằng Mỹ sẽ không rút hết số quân còn lại ra khỏi Hàn Quốc, khẳng định hơn nữa quyết tâm hợp tác chặt chẽ của Mỹ đối với Hàn Quốc nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Liên Xô và lập trường cứng rắn đối với Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên⁽²²⁾. Cho đến giữa thập niên 1980, Mỹ luôn là một đối tác hết sức quan trọng của Hàn Quốc, Mỹ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nền kinh tế nước này, đây hoàn toàn không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên. Đúng hơn, tất cả đều nằm trong những toan tính của Mỹ đó là biến Hàn Quốc thành một đồng minh như Mỹ mong muốn nhằm đối phó với những thách thức trong khu vực.

Từ giữa những năm 1980, trước tình trạng bảo hoà về vũ khí, cuộc chạy đua vũ trang tốn kém gây khó khăn to lớn cho nền kinh tế Mỹ, chính quyền Reagan phải tiến hành cuộc điều chỉnh trong chính sách đối ngoại, chuyển từ đối đầu sang đối thoại với Liên Xô nhằm thực hiện giải trừ quân bị, nhất là giải trừ vũ khí hạt nhân. Thế giới đi vào một thời kỳ hoà hoãn mới. Một lần nữa, cũng như đối với Liên Xô, Mỹ đã có những động thái

cho thấy sự thay đổi chính sách thù địch đối với Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên trong nhiệm kỳ thứ nhất của chính quyền Reagan sang lập trường mềm dẻo hơn. Mỹ thuyết phục Hàn Quốc thay đổi chính sách cứng rắn đối với Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên và đi vào đối thoại nhằm giảm căng thẳng giữa hai miền.

Rõ ràng, trong thời điểm này, việc Mỹ can thiệp quân sự trực tiếp là khó có thể xảy ra, song việc sử dụng sức mạnh hải quân và ảnh hưởng về kinh tế của Mỹ như là công cụ của chính sách đối ngoại để tác động đến tình hình ở khu vực Đông Bắc Á sao cho Mỹ được lợi vẫn được duy trì, nhất là đối với Hàn Quốc, nơi mà Mỹ, Liên Xô, Nhật Bản, Trung Quốc đều có những lợi ích chiến lược hết sức quan trọng. Và nếu để mất Hàn Quốc, thì vị trí của Mỹ ở Đông Bắc Á khó có thể bảo toàn.

3. Nhận xét chung

3.1. Có thể nói, hợp tác an ninh chính trị Hàn - Mỹ trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh được thể hiện tập trung trong các cam kết an ninh, bao gồm sự hiện diện quân sự, viện trợ và các chuyến thăm cao cấp giữa Hàn Quốc và Mỹ. Trong đó, sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Hàn Quốc được xem là biểu tượng cho sự cam kết mạnh mẽ không chỉ có ý nghĩa bảo vệ Hàn Quốc mà còn giữ nguyên trạng bán đảo và an ninh của "thế giới tự do". Đặc biệt, viện trợ an ninh là một đặc điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của hoa kỳ nói chung và trong hợp tác an ninh giữa Mỹ và Hàn Quốc nói riêng. Đây cũng là nhân tố trong hoạch định quốc phòng nhằm tạo một rào đe và sức ép toàn cầu chống lại Liên Xô và các đồng minh của Liên Xô.

3.2. Khác với một số nơi khác, mỗi đe

⁽²¹⁾ Lê Bá Thuyên (2001), *Hoa Kỳ cam kết và mở rộng*, NXB khoa học xã hội, Hà Nội. Tr.41.

⁽²²⁾ Youngnok Koo and Dae - sook Suh Edited by (1988), *Korea and the United States - A Century of Cooperation*, University of Hawaii Press, Honolulu. Tr. 117.

doạ đối với sự sinh tồn chủ yếu xuất phát từ thiên nhiên. Ở Hàn Quốc, thiên nhiên không đe dọa mà những nguy hiểm lại xuất phát từ bầu không khí đầy rẫy xung đột và địa - chính trị bất ổn vây quanh. Đặc biệt, từ sau khi chiến tranh lạnh mờ màn, thì sự biến động về tư tưởng chính trị và kinh tế không ngừng xoáy quanh bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, cũng chính vị trí chiến lược của mình, khiến Mỹ xem Hàn Quốc là một điểm then chốt địa - chính trị ở khu vực, có tầm quan trọng quyết định chiến lược toàn cầu của Mỹ. *Đây là một cơ hội để Hàn Quốc tranh thủ sức mạnh và những tiềm lực sẵn có của Mỹ, phục vụ cho mục đích của mình.* Đúng như vậy, những khoản viện trợ khổng lồ, sự đầu tư, chuyên gia công nghệ cũng như cam kết an ninh của Mỹ thực sự trở thành một điều kiện không thể thiếu cho quá trình phát triển kinh tế Hàn Quốc trong suốt nhiều năm sau chiến tranh. Điều đáng nói ở đây là Hàn Quốc đã biết dùng những ràng buộc về quyền lợi để duy trì mối quan hệ và tạo ra sức ép ngược lại nhằm tranh thủ những điều kiện có lợi cho mình. Quan hệ Hàn - Mỹ không phải không phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình hợp tác, song có lẽ chính vì quyền lợi đôi bên mà những bất đồng cuối cùng đã được giải quyết một cách thoả đáng. Không đơn giản chỉ vì Mỹ là nước lớn nên có thể áp đặt được mọi điều đối với Hàn Quốc, mà vấn đề là vì cả hai bên đều cần đến nhau. Như vậy, Hàn Quốc đã *tạo ra được những ràng buộc đối với Mỹ cũng như biết đưa vào sức mạnh của Mỹ để ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội nhằm khôi phục và phát triển kinh tế.*

3.3. Nhìn chung, trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh, vận mệnh an ninh của Hàn Quốc gắn chặt với Mỹ. Sau chiến tranh lạnh, khi tình hình quốc tế và khu

vực đã có nhiều thay đổi, cả Mỹ và Hàn Quốc đều khẳng định lại tầm quan trọng của liên minh Mỹ - Hàn. Phát biểu với phóng viên tạp chí Hoàn cầu (7/2003), Tổng thống Roh Moo Hyun đã khẳng định, *"Trong 50 năm qua Hàn Quốc và Mỹ luôn duy trì đồng minh vững chắc. Mối quan hệ đồng minh hữu hảo và hợp tác này từ nay về sau sẽ tiếp tục được duy trì không thay đổi, hai nước đều cố gắng phát triển mối quan hệ hợp tác chín muồi và cùng có lợi"*⁽²³⁾. Chiến tranh lạnh kết thúc đã tác động mạnh mẽ và làm cho môi trường an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương có những biến đổi sâu sắc. Cấu trúc quan hệ quốc tế giờ đây đã có sự thay đổi, song liên minh Hàn - Mỹ không vì thế mà chuyển sang một thái cực hoàn toàn mới. Dẫu rằng, Mỹ đã giảm bớt sự có mặt về quân sự của mình trong khu vực do sự thay đổi của môi trường quốc tế, nhất là cấu trúc an ninh hai cực vốn hình thành từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II đã thực sự biến mất cùng với sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu. Song, việc duy trì quan hệ đối tác an ninh lâu dài với Hàn Quốc vẫn là một vấn đề cơ bản đối với lợi ích quốc gia của Mỹ. Liên minh "ruột thịt" (blood alliance) giữa Hàn Quốc và Mỹ được thiết lập từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II, đến nay vẫn không hề suy giảm dù cho cả hai đối tác đều đã có sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình.

⁽²³⁾ Thông tấn xã Việt Nam (2003), *"Quan điểm của Roh Moo Hyun là giải quyết hoà bình vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên"*, Tài liệu tham khảo đặc biệt (158), Tr.3.